

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *122* /TQU-THNS&KSNB

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 10 năm 2022

V/v tài liệu hỏi - đáp một số nội dung về
hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết số
03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021
của HĐND tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi:

- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Hội Doanh nhân trẻ tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;
- Các Ngân hàng thương mại Chi nhánh tỉnh;
- Chi nhánh NHCSXH tỉnh;
- Agribank các huyện, thành phố;
- PGD NHCSXH các huyện, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hoá; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND);

Căn cứ Văn bản số 2667/UBND-NLN ngày 31/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 1724/HDLN-NN-TC-KHĐT-CT-NHNN của Liên ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư - Công Thương - Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tuyên Quang hướng dẫn thực hiện Mục 1 Chương II Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND;

Để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình nắm bắt các quy định và tiếp cận chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND; sau khi dự thảo gửi xin ý kiến và nghiên cứu, tiếp thu nghiêm túc, đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, nhất là ý kiến tham gia của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang (*Văn bản số 2079/SNN-PTNT ngày 21/10/2022*) và Sở Tài chính tỉnh Tuyên

Quang (Văn bản số 2500/STC-QLNS ngày 24/10/2022); Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang (Ngân hàng Nhà nước tỉnh) ban hành “Tài liệu Hỏi - Đáp một số nội dung về vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang”

(tài liệu Hỏi - Đáp kèm theo văn bản này)

Vậy, Ngân hàng Nhà nước tỉnh trân trọng gửi quý cơ quan, đơn vị (như kính gửi) để phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND nói chung và chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng ngân hàng nói riêng trên địa bàn. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc các vấn đề mới phát sinh, đề nghị quý cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ngân hàng Nhà nước tỉnh để xem xét, giải quyết hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; | báo cáo
- UBND tỉnh;
- Như trên (phối hợp);
- Báo Tuyên Quang;
- Công TTĐT tỉnh Tuyên Quang; | đăng tải
- Trang tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, Sở Tư pháp;
- BLĐ NHNN tỉnh;
- Các phòng NHNN tỉnh;
- Lưu: VT, THNS&KSNB.-HMTÚ



GIÁM ĐỐC

Trịnh Ngọc Tuấn



**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH TUYÊN QUANG**

TÀI LIỆU HỎI - ĐÁP

**Một số nội dung về vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 03)
(Kèm theo Văn bản số: 122/H/TQU-THNS&KSNB ngày 31/10/2022 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh)**

TT	NỘI DUNG	TRANG
I	Phần I: Giải thích từ ngữ	05
II	Phần II: Hỏi - Đáp	
1	Câu hỏi 1: Nghị quyết số 03 có bao nhiêu chính sách về vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay?	06
2	Câu hỏi 2: Doanh nghiệp được vay vốn theo Nghị quyết 03 theo những chính sách nào? Khi vay vốn ở những Ngân hàng nào thì được hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay?	08
3	Câu hỏi 3: Hợp tác xã được vay vốn theo Nghị quyết 03 theo những chính sách nào? Khi vay vốn ở những Ngân hàng nào thì được hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay?	08
4	Câu hỏi 4: Chủ trang trại được vay vốn theo Nghị quyết 03 theo những chính sách nào? Khi vay vốn ở những Ngân hàng nào thì được hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay?	09
5	Câu hỏi 5: Cá nhân, hộ gia đình được vay vốn theo Nghị quyết 03 theo những chính sách nào? Khi vay vốn ở những Ngân hàng nào thì được hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay?	10
6	Câu hỏi 6: Hợp tác xã vay vốn để chăn nuôi Dê, Cừu, Ngựa có được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết 03?	10
7	Câu hỏi 7: Chủ trang trại vay vốn để chăn nuôi Dê, Cừu, Ngựa có được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết 03?	11
8	Câu hỏi 8: Cơ quan nào thực hiện việc tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình đủ điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết	11

TT	NỘI DUNG	TRANG
	03?	
9	Câu hỏi 9: Những ngân hàng nào được thực hiện cho vay vốn theo Nghị quyết 03?	11
10	Câu hỏi 10: Ngân hàng Chính sách xã hội được cho vay vốn theo Nghị quyết 03 với những đối tượng khách hàng nào?	12
11	Câu hỏi 11: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) cho vay vốn theo Nghị quyết 03 với những đối tượng nào?	12
12	Câu hỏi 12: Các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh được cho vay vốn theo Nghị quyết 03 với những đối tượng nào?	13
13	Câu hỏi 13: Khi có nhu cầu vay vốn theo Nghị quyết 03, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình cần làm gì?	13
14	Câu hỏi 14: Hồ sơ đề nghị vay vốn theo Nghị quyết 03 do doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình gửi Ngân hàng nơi cho vay có gì khác so với hồ sơ đề nghị vay vốn thông thường?	15
15	Câu hỏi 15: Tôi được Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt vay vốn theo Nghị quyết 03 với số tiền 03 tỷ đồng và được Ngân hàng phê duyệt cho vay 03 tỷ đồng. Khi đó, tôi có được đề nghị Ngân hàng giải ngân tiền vay làm 03 lần, mỗi lần 01 tỷ đồng không? Nếu việc giải ngân tiền vay được thực hiện làm 03 lần như trên, tôi có được hỗ trợ lãi suất tiền vay cho cả 03 lần giải ngân không?	16
16	Câu hỏi 16: Hợp tác xã A được ngân hàng phê duyệt cho vay vốn theo Nghị quyết 03 số tiền 02 tỷ đồng, trong đó 01 tỷ đồng sử dụng để chăn nuôi trâu và 01 tỷ đồng để chăn nuôi vịt với thời hạn vay vốn là 48 tháng; thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay của Hợp tác xã A là bao nhiêu tháng?	17
17	Câu hỏi 17: Chủ trang trại B đề nghị vay vốn theo Nghị quyết 03 số tiền 01 tỷ đồng, trong đó 500 triệu đồng sử dụng để chăn nuôi trâu và 500 triệu đồng để chăn nuôi vịt với thời hạn vay vốn là 30 tháng; thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay của Chủ trang trại B là bao nhiêu?	18
18	Câu hỏi 18: Hợp tác xã C được ngân hàng phê duyệt cho vay vốn	18

TT	NỘI DUNG	TRANG
	theo Nghị quyết 03 số tiền 02 tỷ đồng, trong đó 0,5 tỷ đồng sử dụng để chăn nuôi trâu và 1,5 tỷ đồng để chăn nuôi vịt với thời hạn vay vốn là 48 tháng; thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay của Hợp tác xã C là bao nhiêu tháng?	
19	Câu hỏi 19: Hộ gia đình ông D đang đầu tư trồng 20 héc ta rừng keo; đến năm 2022, có 12 héc ta rừng đủ 07 tuổi và 08 héc ta rừng 06 tuổi, Hộ gia đình ông D đã đề nghị và được vay vốn theo Nghị quyết 03 cho 12 héc ta rừng đủ 07 tuổi. Vậy, năm 2023, Hộ gia đình ông D có được đề nghị vay vốn theo Nghị quyết 03 cho 08 héc ta rừng còn lại không?	19
20	Câu hỏi 20: Tôi không phải là hộ nghèo, hộ cận nghèo thì có được vay vốn theo Nghị quyết 03 tại Ngân hàng Chính sách xã hội?	20
21	Câu hỏi 21: Tôi là hộ nghèo, hộ Cận nghèo thì có được vay vốn theo Nghị quyết 03 tại các Ngân hàng thương mại?	20
22	Câu hỏi 22: Năm 2020, Hợp tác xã X được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang (Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND) với thời gian là 36 tháng. Vậy, đến năm 2023, sau khi Hợp tác xã X trả hết nợ vay theo Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND thì có được vay vốn theo Nghị quyết 03 không?	20
23	Câu hỏi 23: Tôi vay vốn theo Nghị quyết 03 để chăn nuôi lợn. (a) Do dịch bệnh bùng phát, tôi bán lợn và chuyển sang nuôi trâu thì có tiếp tục được hỗ trợ lãi suất tiền vay không? (b) Sau 6 tháng, tình hình dịch bệnh đối với lợn được kiểm soát, tôi bán trâu và quay lại chăn nuôi lợn thì có được hưởng tiền hỗ trợ lãi suất tiền vay tiếp không?	21
24	Câu hỏi 24: Tôi được Ngân hàng cho vay vốn theo Nghị quyết 03 với số tiền 03 tỷ đồng trong thời hạn 36 tháng, tôi thỏa thuận với ngân hàng trả lãi hàng tháng, trả gốc theo định kỳ 12 tháng/lần tính từ ngày nhận khoản vay đầu tiên, mỗi lần trả 01 tỷ đồng. (a) Tuy nhiên, do tình hình kinh doanh gặp khó khăn, tôi không thực hiện trả nợ gốc phân kỳ đúng thời hạn và bị ngân hàng chuyển nợ quá hạn số tiền gốc trậm trả. Vậy, tôi có được hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay khi khoản nợ bị chuyển nợ quá hạn không? (b) Sau 03 tháng, tôi bố trí được nguồn tiền để trả 01 tỷ đồng nợ quá hạn theo phân kỳ nêu trên, số tiền gốc còn lại là 02 tỷ đồng chưa đến hạn trả nợ được Ngân hàng chuyển về nợ trong hạn. Khi đó, tôi có	21

TT	NỘI DUNG	TRANG
	được tiếp tục hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay cho không?	
25	Câu hỏi 25: Tôi được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hỗ trợ lãi suất tiền vay cho số tiền vay tối đa là 03 tỷ đồng, trong thời hạn tối đa là 36 tháng. (a) Tôi có được thỏa thuận với Ngân hàng vay số tiền lớn hơn 03 tỷ đồng, thời hạn vay vốn dài hơn 36 tháng không? (b) Nếu được thực hiện nội dung trên thì việc hỗ trợ lãi suất tiền vay được thực hiện như thế nào?	22
26	Câu hỏi 26: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Chủ trang trại, Cá nhân, Hộ gia đình đang có dư nợ tiền vay tại các Ngân hàng thương mại, có được tiếp tục đề nghị vay vốn theo Nghị quyết số 03 không	23
27	Câu hỏi 27: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Chủ trang trại, Cá nhân, Hộ gia đình đang có dư nợ tiền vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội, có được tiếp tục đề nghị vay vốn theo Nghị quyết số 03 tại Ngân hàng Chính sách xã hội không?	24

Phần I: Giải thích từ ngữ

- **“Vay vốn theo Nghị quyết 03”** được hiểu là việc vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

- **“Nghị quyết số 03”** được hiểu là Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hoá; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

- **“HDLN số 1724”** được hiểu là Hướng dẫn liên ngành số 1724/HDLN-NN-TC-KHĐT-CT-NHNN của Liên ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư - Công Thương - Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tuyên Quang hướng dẫn thực hiện Mục 1 Chương II Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hoá; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

PHẦN II: HỎI – ĐÁP

Câu hỏi 1: Nghị quyết số 03 có bao nhiêu chính sách về vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay?

Đáp:

Điều 5¹ Nghị quyết số 03 quy định về hỗ trợ lãi suất tín dụng đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình khi vay vốn tại các ngân hàng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang có quy định **05** chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng, cụ thể như sau:

(1) Chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay đối với Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản:

- Hỗ trợ **50%** lãi suất tiền vay cho các **hợp tác xã** được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, có phương án hoặc dự án sản xuất kinh doanh khả thi để: (i) đầu tư sản xuất thuộc nhóm cây trồng hằng năm, chăn nuôi lợn, gia cầm hoặc (ii) đầu tư sản xuất thuộc nhóm cây trồng lâu năm, cây lâm nghiệp, chăn nuôi trâu, bò, thủy sản hoặc (iii) phát triển sản phẩm OCOP đã có quyết định công nhận phân hạng đạt từ 3 sao trở lên.

- Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo mức vay vốn thực tế nhưng tối đa không quá **5,0 tỷ đồng/hợp tác xã**.

- Thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng **tối đa không quá 18 tháng** đối với hợp tác xã vay đầu tư sản xuất thuộc nhóm cây trồng hằng năm, chăn nuôi lợn, gia cầm hoặc **tối đa không quá 36 tháng** đối với hợp tác xã vay đầu tư sản xuất thuộc nhóm cây trồng lâu năm, cây lâm nghiệp, chăn nuôi trâu, bò, thủy sản và phát triển sản phẩm OCOP đã có quyết định công nhận phân hạng đạt từ 3 sao trở lên.

(2) Chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay đối với chủ trang trại:

- Hỗ trợ **50%** lãi suất tiền vay cho **chủ trang trại** đáp ứng các tiêu chí kinh tế trang trại theo quy định hiện hành vay vốn để sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản. Mỗi chủ trang trại được hỗ trợ lãi suất 01 lần vay.

- Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo mức vay vốn thực tế nhưng **tối đa không quá 1,0 tỷ đồng/trang trại**.

- Thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng **tối đa không quá 18 tháng** đối với trang trại vay đầu tư sản xuất thuộc nhóm cây trồng hằng năm, chăn nuôi lợn, gia cầm hoặc **tối đa không quá 36 tháng** đối với trang trại vay đầu tư sản xuất thuộc nhóm cây trồng lâu năm, cây lâm nghiệp, chăn nuôi trâu, bò, thủy sản.

(3) Chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay để đầu tư nuôi cá đặc sản, cá chủ lực:

- Hỗ trợ **50%** lãi suất tiền vay cho các **doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ**

trang trại, cá nhân, hộ gia đình vay vốn đầu tư: (i) nuôi cá đặc sản có tổng thể tích lồng, bể nuôi từ 100 m³ trở lên hoặc tổng diện tích ao, hồ nuôi từ 1,0 ha trở lên hoặc (ii) nuôi cá chủ lực có tổng thể tích lồng nuôi từ 500 m³ trở lên hoặc tổng diện tích ao, hồ nuôi từ 2,0 ha trở lên vay vốn nuôi cá đặc sản, cá chủ lực. Mỗi tổ chức, cá nhân được hỗ trợ lãi suất 01 lần vay.

- Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo mức vay vốn thực tế nhưng **tối đa không quá 1,0 tỷ đồng/doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình.**

- Thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng **tối đa không quá 36 tháng.**

(4) Chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay để chăn nuôi trâu cái sinh sản, bò cái sinh sản:

- Hỗ trợ lãi suất 01 lần vay cho cá nhân, hộ gia đình (*trừ trang trại*) thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn chăn nuôi từ 02 con trâu cái sinh sản/bò cái sinh sản trở lên hoặc cá nhân, hộ gia đình (*trừ trang trại*) không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn chăn nuôi từ 03 con trâu cái sinh sản/bò cái sinh sản trở lên.

- Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo mức vay vốn thực tế nhưng **tối đa không quá 100 triệu đồng/cá nhân, hộ gia đình** và tối đa không quá 35 triệu đồng/01 con trâu cái sinh sản, 25 triệu đồng/01 con bò cái sinh sản.

- Mức hỗ trợ lãi suất: **100%** lãi suất tiền vay đối với cá nhân, hộ gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc **50%** lãi suất tiền vay đối với cá nhân, hộ gia đình không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng **tối đa không quá 36 tháng.**

(5) Chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay để chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn:

- Hỗ trợ **50%** lãi suất tiền vay cho các **doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình** có rừng trồng cây keo từ đủ 07 tuổi trở lên với diện tích tập trung từ 10 ha trở lên đối với doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc từ 01 ha trở lên đối với chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình vay vốn để chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn (*kéo dài tuổi rừng lên trên 10 năm*); các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình cần có cam kết thực hiện chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn theo quy trình kỹ thuật quy định hiện hành. Thực hiện hỗ trợ lãi suất tiền vay 01 lần/đơn vị diện tích.

- Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo mức vay vốn thực tế nhưng **tối đa 70,0 triệu đồng/ha.**

- Thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng **tối đa không quá 36 tháng.**

Câu hỏi 2: Doanh nghiệp được vay vốn theo Nghị quyết 03 theo những chính sách nào? Khi vay vốn ở những Ngân hàng nào thì được hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay?

Đáp:

- Theo Điều 5¹ Nghị quyết số 03, Doanh nghiệp được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo 02 chính sách:

- (1) Chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay để đầu tư nuôi cá đặc sản, cá chủ lực.
- (2) Chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay để chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn.

- Theo quy định tại khoản 5², Điều 3 Nghị quyết 03, Doanh nghiệp được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết 03 ở **toàn bộ các ngân hàng có chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn tỉnh** (*Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 09 ngân hàng có chi nhánh, phòng giao dịch gồm: Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Agribank, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - BIDV, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Vietinbank, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank, Ngân hàng TMCP Bưu điện - Liên Việt - Lienvietpostbank, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - SHB, Ngân hàng TMCP Quân Đội - MB, Ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh - HDBank*).

- Việc thẩm định, phê duyệt cho vay thực hiện theo quy định của pháp luật và của từng Ngân hàng như cho vay thông thường.

Câu hỏi 3: Hợp tác xã được vay vốn theo Nghị quyết 03 theo những chính sách nào? Khi vay vốn ở những Ngân hàng nào thì được hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay?

Đáp:

Theo Điều 5¹ Nghị quyết số 03, Hợp tác xã được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo 03 chính sách:

- (1) Chính sách hỗ trợ lãi suất đối với Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản.
- (2) Chính sách hỗ trợ lãi suất để đầu tư nuôi cá đặc sản, cá chủ lực.
- (3) Chính sách hỗ trợ lãi suất để chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn.

Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ lãi suất để đầu tư nuôi cá đặc sản, cá chủ lực (*HTX hoạt động trong lĩnh vực thủy sản*) và hỗ trợ lãi suất để chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn (*HTX hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp*) đều là một nội dung nhỏ trong chính sách hỗ trợ lãi suất đối với Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản. Trong quá trình tiếp cận chính sách, tùy theo nhu cầu về nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn và khả năng đáp ứng các quy định về cấp tín dụng tại các ngân hàng của HTX; HTX có thể lựa chọn thực hiện 01(một) trong 03(ba) chính sách trên.

- Theo quy định tại khoản 5², Điều 3 Nghị quyết 03, Hợp tác xã được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết 03 ở **toàn bộ các ngân hàng có chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn tỉnh** (Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 09 ngân hàng có chi nhánh, phòng giao dịch gồm: Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Agribank, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - BIDV, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Vietinbank, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank, Ngân hàng TMCP Bưu điện - Liên Việt - Lienvietpostbank, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - SHB, Ngân hàng TMCP Quân Đội - MB, Ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh - HDBank).

- Việc thẩm định, phê duyệt cho vay thực hiện theo quy định của pháp luật và của từng Ngân hàng như cho vay thông thường.

Câu hỏi 4: Chủ trang trại được vay vốn theo Nghị quyết 03 theo những chính sách nào? Khi vay vốn ở những Ngân hàng nào thì được hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay?

Đáp:

Theo Điều 5¹ Nghị quyết số 03, Chủ trang trại được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo 03 chính sách:

- (1) Chính sách hỗ trợ lãi suất đối với chủ trang trại.
- (2) Chính sách hỗ trợ lãi suất để đầu tư nuôi cá đặc sản, cá chủ lực.
- (3) Chính sách hỗ trợ lãi suất để chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn.

Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ lãi suất để đầu tư nuôi cá đặc sản, cá chủ lực (trang trại hoạt động trong lĩnh vực thủy sản) và hỗ trợ lãi suất để chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn (trang trại hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp) đều là một nội dung nhỏ trong chính sách hỗ trợ lãi suất đối với Chủ trang trại. Trong quá trình tiếp cận chính sách, tùy theo nhu cầu về nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn và khả năng đáp ứng các quy định về cấp tín dụng tại các ngân hàng của Chủ trang trại; Chủ trang trại có thể lựa chọn thực hiện 01(một) trong 03(ba) chính sách trên.

- Theo quy định tại khoản 5², Điều 3 Nghị quyết 03, Chủ trang trại được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết 03 ở **toàn bộ các ngân hàng có chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn tỉnh** (Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 09 ngân hàng có chi nhánh, phòng giao dịch gồm: Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Agribank, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - BIDV, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Vietinbank, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank, Ngân hàng TMCP Bưu điện - Liên Việt - Lienvietpostbank, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - SHB, Ngân hàng TMCP Quân Đội - MB, Ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh - HDBank).

- Việc thẩm định, phê duyệt cho vay thực hiện theo quy định của pháp luật

và của từng Ngân hàng như cho vay thông thường.

Câu hỏi 5: Cá nhân, hộ gia đình được vay vốn theo Nghị quyết 03 theo những chính sách nào? Khi vay vốn ở những Ngân hàng nào thì được hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay?

Đáp:

Theo Điều 5¹ Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND, cá nhân, hộ gia đình được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo 03 chính sách:

- (1) Chính sách hỗ trợ lãi suất để đầu tư nuôi cá đặc sản, cá chủ lực.
- (2) Chính sách hỗ trợ lãi suất để chăn nuôi trâu cái sinh sản, bò cái sinh sản.
- (3) Chính sách hỗ trợ lãi suất để chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn.

Trong quá trình tiếp cận chính sách, tùy theo nhu cầu về nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn và khả năng đáp ứng các quy định về cấp tín dụng tại các ngân hàng của cá nhân, hộ gia đình; các cá nhân, hộ gia đình có thể lựa chọn thực hiện 01 hoặc 02 hoặc cả 03 chính sách trên.

- Theo quy định tại khoản 5², Điều 3 Nghị quyết 03, cá nhân, hộ gia đình được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết 03 ở **toàn bộ các ngân hàng có chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn tỉnh** (Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 09 ngân hàng có chi nhánh, phòng giao dịch gồm: Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Agribank, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - BIDV, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Vietinbank, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank, Ngân hàng TMCP Bưu điện - Liên Việt - Lienvietpostbank, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - SHB, Ngân hàng TMCP Quân Đội - MB, Ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh - HDBank).

- Việc thẩm định, phê duyệt cho vay thực hiện theo quy định của pháp luật và của từng Ngân hàng như cho vay thông thường.

Câu hỏi 6: Hợp tác xã vay vốn để chăn nuôi Dê, Cừu, Ngựa có được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết 03?

Đáp:

Theo Điều 5¹ Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND, Hợp tác xã vay vốn để: (i) đầu tư sản xuất thuộc nhóm cây trồng hằng năm, chăn nuôi lợn, gia cầm và/hoặc (ii) đầu tư sản xuất thuộc nhóm cây trồng lâu năm, cây lâm nghiệp, chăn nuôi trâu, bò, thủy sản và phát triển sản phẩm OCOP đã có quyết định công nhận phân hạng đạt từ 3 sao trở lên.

Theo đó, Nghị quyết 03 **hỗ trợ lãi suất đối với Hợp tác xã vay vốn chăn nuôi lợn, trâu, bò, gia cầm, thủy sản**. Dê, Cừu, Ngựa không nằm trong danh mục nêu trên; do đó, Hợp tác xã vay vốn chăn nuôi Dê, Cừu, Ngựa **KHÔNG ĐƯỢC**

vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết 03, trừ trường hợp đây là các sản phẩm OCOP đã có quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận phân hạng đạt từ 3 sao trở lên.

Câu hỏi 7: Chủ trang trại vay vốn để chăn nuôi Dê, Cừu, Ngựa có được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết 03?

Đáp:

Theo Điều 5¹ Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND, Chủ trang trại vay vốn để:
(i) đầu tư sản xuất thuộc nhóm cây trồng hằng năm, chăn nuôi lợn, gia cầm và/hoặc
(ii) đầu tư sản xuất thuộc nhóm cây trồng lâu năm, cây lâm nghiệp, chăn nuôi trâu, bò, thủy sản.

Theo đó, Nghị quyết 03 hỗ trợ lãi suất đối với Chủ trang trại vay vốn chăn nuôi lợn, trâu, bò, gia cầm, thủy sản. Dê, Cừu, Ngựa không nằm trong danh mục nêu trên; do đó, Chủ trang trại vay vốn chăn nuôi Dê, Cừu, Ngựa **KHÔNG ĐƯỢC** vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết 03.

Câu hỏi 8: Cơ quan nào thực hiện việc tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình đủ điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết 03?

Đáp:

Theo quy định tại tiết a, điểm 1, Mục III³ của HDLN số 1724, Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan thực hiện việc tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình đủ điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết 03.

Việc tiếp nhận này được Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện theo định kỳ hàng tháng.

Câu hỏi 9: Những ngân hàng nào được thực hiện cho vay vốn theo Nghị quyết 03?

Đáp:

Theo quy định tại khoản 5², Điều 3 Nghị quyết 03, toàn bộ các ngân hàng có chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn tỉnh đều được thực hiện cho vay vốn theo Nghị quyết 03

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 09 ngân hàng có chi nhánh, phòng giao dịch gồm:

- (1) Ngân hàng Chính sách xã hội.
- (2) Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank)
- (3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)

- (4) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)
- (5) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
- (6) Ngân hàng TMCP Bưu điện - Liên Việt (Lienvietpostbank)
- (7) Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)
- (8) Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB)
- (9) Ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

Cả 09 ngân hàng này đều được thực hiện cho vay vốn theo Nghị quyết 03. Việc thẩm định, phê duyệt cho vay thực hiện theo quy định của pháp luật và của từng Ngân hàng như cho vay thông thường.

Câu hỏi 10: Ngân hàng Chính sách xã hội được cho vay vốn theo Nghị quyết 03 với những đối tượng khách hàng nào?

Đáp:

Theo quy định tại khoản 5², Điều 3 Nghị quyết 03, Ngân hàng Chính sách xã hội được thực hiện cho vay đối với toàn bộ 05 chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng theo Nghị quyết số 03, bao gồm:

- (1) Khách hàng là doanh nghiệp.
- (2) Khách hàng là hợp tác xã.
- (3) Khách hàng là chủ trang trại.
- (4) Khách hàng là cá nhân, hộ gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- (5) Khách hàng là cá nhân, hộ gia đình không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Việc cho vay được thực hiện theo quy định cho vay thông thường tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Câu hỏi 11: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) cho vay vốn theo Nghị quyết 03 với những đối tượng nào?

Đáp:

Theo quy định tại khoản 5², Điều 3 Nghị quyết 03, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn được thực hiện cho vay đối với toàn bộ 05 chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng theo Nghị quyết số 03, bao gồm:

- (1) Khách hàng là doanh nghiệp.
- (2) Khách hàng là hợp tác xã.
- (3) Khách hàng là chủ trang trại.
- (4) Khách hàng là cá nhân, hộ gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

(5) Khách hàng là cá nhân, hộ gia đình **không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.**

Việc cho vay được thực hiện theo **quy định cho vay thông thường** tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Câu hỏi 12: Các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh được cho vay vốn theo Nghị quyết 03 với những đối tượng nào?

Đáp:

Theo quy định tại khoản 5², Điều 3 Nghị quyết 03, Các Ngân hàng trên địa bàn tỉnh (*ngoài NHCSXH và Agribank*) **được thực hiện cho vay đối với toàn bộ 05 chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng theo Nghị quyết số 03**, bao gồm:

- (1) Khách hàng là doanh nghiệp.
- (2) Khách hàng là hợp tác xã.
- (3) Khách hàng là chủ trang trại.
- (4) Khách hàng là cá nhân, hộ gia đình **thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.**
- (5) Khách hàng là cá nhân, hộ gia đình **không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.**

Việc cho vay được thực hiện theo **quy định cho vay thông thường** tại từng Ngân hàng thương mại.

Câu hỏi 13: Khi có nhu cầu vay vốn theo Nghị quyết 03, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình cần làm gì?

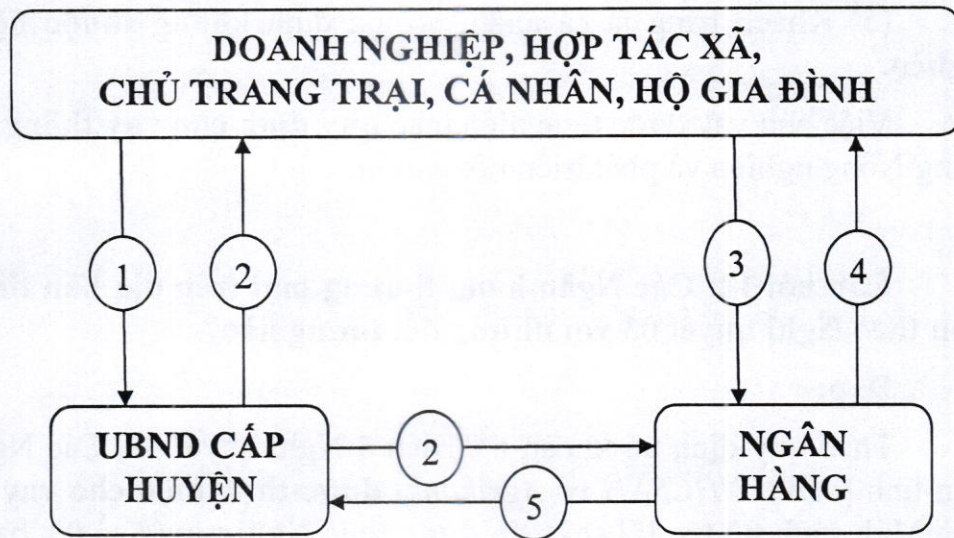
Đáp:

Theo quy định tại điểm 1⁴ Mục III của HDLN số 1724, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình **cần thực hiện 02 thủ tục**, cụ thể:

- Trước tiên, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình cần lập, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện bản đăng ký vay vốn có hỗ trợ lãi suất và các hồ sơ theo quy định tại tiết a, điểm 1⁴, Mục III của HDLN số 1724 và chờ kết quả thẩm định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Sau khi nhận được kết quả phê duyệt đủ điều kiện vay vốn có hỗ trợ lãi suất của Ủy ban nhân dân cấp huyện; doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình lập, gửi hồ sơ đề nghị vay vốn đến ngân hàng và chờ kết quả thẩm định, phê duyệt cho vay của ngân hàng. Hồ sơ đề nghị vay vốn theo Nghị quyết 03 do khách hàng gửi ngân hàng được lập như hồ sơ vay vốn thông thường.

Quy trình vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết số 03 được tóm tắt theo quy trình sau



① Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Chủ trương trại, Cá nhân, Hộ gia đình (gọi chung là khách hàng) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay và hồ sơ theo quy định tại tiết a điểm 1⁴ Mục III HDLN số 1724.

② Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành thẩm định về đối tượng, hồ sơ, nhu cầu vay vốn có hỗ trợ lãi suất; phê duyệt danh sách đủ điều kiện vay vốn có hỗ trợ lãi suất; thông báo cho khách hàng, ngân hàng nơi khách hàng đăng ký vay vốn kết quả phê duyệt, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để niêm yết công khai tại trụ sở.

- Trường hợp 1: Ủy ban nhân dân cấp huyện đồng ý với đề nghị của khách hàng, khách hàng chuyển sang thực hiện bước ③.

- Trường hợp 2: Ủy ban nhân dân cấp huyện không đồng ý với đề nghị của khách hàng và khách hàng tiếp tục có nhu cầu vay vốn theo Nghị quyết số 03 thì khách hàng thực hiện lại bước ①.

③ Khách hàng liên hệ với Ngân hàng nơi đăng ký vay vốn, lập, gửi Ngân hàng hồ sơ đề nghị vay vốn theo hướng dẫn của Ngân hàng.

④ Ngân hàng nơi khách hàng đề nghị vay vốn thực hiện thẩm định, phê duyệt đề nghị vay vốn của khách hàng; thông báo cho khách hàng kết quả phê duyệt cho vay.

- Trường hợp 1: Ngân hàng phê duyệt cho khách hàng vay vốn, Ngân hàng cùng khách hàng ký kết cam kết cấp tín dụng/hợp đồng tín dụng, thực hiện giải ngân tiền vay cho khách hàng. Đồng thời, thực hiện việc hỗ trợ lãi suất tiền vay cho khách hàng theo quy định.

- Trường hợp 2: Ngân hàng từ chối cho vay, Ngân hàng cần thông báo cho khách hàng lý do từ chối theo đúng quy định. Nếu khách hàng tiếp tục có nhu cầu vay vốn theo Nghị quyết số 03, khách hàng thực hiện lại bước ① với trường hợp ngân hàng không có sản phẩm tín dụng phù hợp với đề nghị của khách hàng hoặc

bước ③ với trường hợp khách hàng chưa đáp ứng được các điều kiện cấp tín dụng của ngân hàng.

⑤ Ngân hàng nơi cho vay thực hiện:

- Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện các trường hợp từ chối cho vay theo hướng dẫn tại điểm 1⁴ Mục III HDLN số 1724.

- Thực hiện việc tạm ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất tiền vay, thanh toán tạm ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất tiền vay đối với các trường hợp đã được giải ngân theo hướng dẫn tại điểm 1⁴ Mục III HDLN số 1724.

Câu hỏi 14: Hồ sơ đề nghị vay vốn theo Nghị quyết 03 do doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình gửi Ngân hàng nơi cho vay có gì khác so với hồ sơ đề nghị vay vốn thông thường?

Đáp:

Hồ sơ đề nghị vay vốn theo Nghị quyết 03 do doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình gửi ngân hàng được lập **như hồ sơ vay vốn thông thường**.

Thành phần hồ sơ cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật về cấp tín dụng và quy định nội bộ của từng Ngân hàng; tuy nhiên, hồ sơ đề nghị vay vốn **thường** có các giấy tờ sau:

(1) Đối với Doanh nghiệp, Hợp tác xã:

- Về hồ sơ pháp lý, gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Điều lệ Doanh nghiệp/Hợp tác xã.

- Hồ sơ hoạt động, gồm: Nghị quyết Đại hội thành viên; Đại hội cổ đông, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị; Quyết định bổ nhiệm Giám đốc/Tổng giám đốc, kế toán trưởng; Báo cáo tài chính; Báo cáo kê khai nộp thuế,...

- Hồ sơ sử dụng tiền vay, gồm: phương án sản xuất kinh doanh có sử dụng tiền vay, phương án trả nợ tiền, hợp đồng kinh tế, hóa đơn mua bán hàng hóa, dịch vụ có liên quan đến phương án vay vốn,...

- Hồ sơ tài sản bảo đảm, gồm: Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ, hóa đơn mua bán hàng hóa, dịch vụ.

(2) Đối với Chủ trang trại

- Về hồ sơ pháp lý: giấy tờ chứng minh trang trại đáp ứng đầy đủ các tiêu chí kinh tế trang trại; Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân của Chủ trang trại.

- Hồ sơ sử dụng tiền vay, gồm: phương án sản xuất kinh doanh có sử dụng tiền vay, phương án trả nợ tiền, hợp đồng kinh tế, hóa đơn mua bán hàng hóa, dịch vụ có liên quan đến phương án vay vốn,...

- Hồ sơ tài sản bảo đảm, gồm: Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ, hóa đơn mua bán hàng hóa, dịch vụ.

(3) Đối với cá nhân, hộ gia đình

- Về hồ sơ pháp lý: Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân của cá nhân, hộ gia đình.

- Hồ sơ sử dụng tiền vay, gồm: phương án sản xuất kinh doanh có sử dụng tiền vay, phương án trả nợ tiền, hợp đồng kinh tế, hóa đơn mua bán hàng hóa, dịch vụ có liên quan đến phương án vay vốn,...

- Hồ sơ tài sản bảo đảm, gồm: Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ, hóa đơn mua bán hàng hóa, dịch vụ.

Câu hỏi 15: Tôi được Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt vay vốn theo Nghị quyết 03 với số tiền 03 tỷ đồng và được Ngân hàng phê duyệt cho vay 03 tỷ đồng. Khi đó, tôi có được đề nghị Ngân hàng giải ngân tiền vay làm 03 lần, mỗi lần 01 tỷ đồng không? Nếu việc giải ngân tiền vay được thực hiện làm 03 lần như trên, tôi có được hỗ trợ lãi suất tiền vay cho cả 03 lần giải ngân không?

Đáp:

- Theo Điều 5¹ Nghị quyết số 03:

(i) hỗ trợ lãi suất **01 lần vay** đối với 03 chính sách của Nghị quyết số 03 gồm: Chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay đối với chủ trang trại; Chính sách hỗ trợ lãi vay vốn để nuôi cá đặc sản, cá chủ lực; chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn để chăn nuôi trâu cái sinh sản, bò cái sinh sản;

(ii) hỗ trợ lãi suất **01 lần vay** đối với đơn vị diện tích cụ thể đối với chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn để chuyển hóa rừng trồng cây keo từ gỗ nhỏ (từ đủ 7 tuổi) sang gỗ lớn (từ 10 tuổi trở lên).

(iii) **không quy định về số lần vay** được hỗ trợ lãi suất đối với Hợp tác xã, chỉ quy định về thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa.

- Theo quy định tại Khoản 1, Điều 2⁵ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (Thông tư số 39/2016/TT-NHNN), **một lần vay** là một lần ngân hàng **giao hoặc cam kết giao** cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

- Theo quy định tại Điều 27⁶ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, việc giải ngân tiền vay có thể thực hiện một lần hoặc nhiều lần theo thỏa thuận giữa khách hàng và ngân hàng và phù hợp với từng phương thức cho vay.

Do đó, khi khách hàng và ngân hàng thỏa thuận việc giải ngân số tiền vay có

hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết số 03 làm nhiều lần thì **toàn bộ số tiền của các lần giải ngân đó đều được hỗ trợ lãi suất tiền vay** khi khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích, thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi đầy đủ, đúng hạn và dư nợ tiền vay được hỗ trợ lãi suất tại mọi thời điểm không vượt quá số tiền vay được hỗ trợ lãi suất đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Trong trường hợp cụ thể nêu trên, khách hàng được thỏa thuận với ngân hàng về việc giải ngân 03 tỷ đồng làm 03 lần và được hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay cho số tiền được giải ngân ở cả 3 lần (03 tỷ đồng). Việc giải ngân của ngân hàng phải phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng.

Câu hỏi 16: Hợp tác xã A được ngân hàng phê duyệt cho vay vốn theo Nghị quyết 03 số tiền 02 tỷ đồng, trong đó 01 tỷ đồng sử dụng để chăn nuôi trâu và 01 tỷ đồng để chăn nuôi vịt với thời hạn vay vốn là 48 tháng; thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay của Hợp tác xã A là bao nhiêu tháng?

Đáp:

Điểm 5⁷ Mục I của HDLN số 1724 quy định về xác định thời hạn hỗ trợ lãi suất tiền vay khi doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân vay vốn để đầu tư nhiều loại cây trồng, vật nuôi có thời gian hỗ trợ lãi suất khác nhau. Theo đó, thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay được xác định như sau:

- **Trường hợp 01:** số tiền vay được đầu tư cho sản xuất từng loại cây trồng, vật nuôi cụ thể là khác nhau và xác định được số tiền vay lớn nhất cho loại cây trồng, vật nuôi cụ thể; Khi đó, thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay cho toàn bộ khoản vay là thời gian hỗ trợ lãi suất tính theo loại cây trồng, vật nuôi có mức tiền vay là lớn nhất.

- **Trường hợp 02:** số tiền vay được đầu tư cho từng loại cây trồng, vật nuôi cụ thể là như nhau; Khi đó, thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay cho toàn bộ khoản vay là thời gian hỗ trợ lãi suất tính theo loại cây trồng, vật nuôi có thời gian được hưởng hỗ trợ lãi suất tối đa là dài nhất.

Giải quyết tình huống cụ thể:

Hợp tác xã A vay 02 tỷ đồng để thực hiện 02 phương án kinh doanh khác nhau, số tiền vay cho mỗi phương án đều là 01 tỷ đồng thuộc trường hợp 02 nêu trên. Theo đó, thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa được xác định theo cây trồng, vật nuôi có thời gian được hưởng hỗ trợ lãi suất tối đa là dài nhất, ở đây là chăn nuôi trâu với thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay tối đa là 36 tháng.

Theo quy định tại Điều 5¹ Nghị quyết số 03, thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không qua thời gian được quy định tại điều này. Trong tình huống này, thời gian vay vốn là 48 tháng.

Do đó, Hợp tác xã A vay 02 tỷ đồng theo Nghị quyết 03 trong thời gian 48 tháng sẽ được hỗ trợ lãi suất tiền vay 02 tỷ đồng trong thời hạn 36 tháng.

Câu hỏi 17: Chủ trang trại B đề nghị vay vốn theo Nghị quyết 03 số tiền 01 tỷ đồng, trong đó 500 triệu đồng sử dụng để chăn nuôi trâu và 500 triệu đồng để chăn nuôi vịt với thời hạn vay vốn là 30 tháng; thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay của Chủ trang trại B là bao nhiêu?

Đáp:

Điểm 5⁷ Mục I của HDLN số 1724 quy định về xác định thời hạn hỗ trợ lãi suất tiền vay khi doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân vay vốn để đầu tư nhiều loại cây trồng, vật nuôi có thời gian hỗ trợ lãi suất khác nhau. Theo đó, thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay được xác định như sau:

- **Trường hợp 01:** số tiền vay được đầu tư cho sản xuất từng loại cây trồng, vật nuôi cụ thể là khác nhau và xác định được số tiền vay lớn nhất cho loại cây trồng, vật nuôi cụ thể; Khi đó, thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay cho toàn bộ khoản vay là thời gian hỗ trợ lãi suất tính theo loại cây trồng, vật nuôi có mức tiền vay là lớn nhất.

- **Trường hợp 02:** số tiền vay được đầu tư cho từng loại cây trồng, vật nuôi cụ thể là như nhau; Khi đó, thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay cho toàn bộ khoản vay là thời gian hỗ trợ lãi suất tính theo loại cây trồng, vật nuôi có thời gian được hưởng hỗ trợ lãi suất tối đa là dài nhất.

Giải quyết tình huống cụ thể:

Chủ trang trại B vay 01 tỷ đồng để thực hiện 02 phương án kinh doanh khác nhau, số tiền cho mỗi phương án là 0,5 tỷ đồng (500 triệu đồng) thuộc trường hợp 02 nêu trên. Theo đó, thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa được xác định theo cây trồng, vật nuôi có thời gian được hưởng hỗ trợ lãi suất tối đa là dài nhất, ở đây là chăn nuôi trâu với thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay tối đa là 36 tháng.

Theo quy định tại Điều 5¹ Nghị quyết số 03, thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không qua thời gian được quy định tại điều này. Trong tình huống này, thời gian vay vốn là 30 tháng.

Do đó, Chủ trang trại B vay 01 tỷ đồng theo Nghị quyết 03 trong thời gian 30 tháng sẽ được hỗ trợ lãi suất tiền vay 01 tỷ đồng trong thời hạn 30 tháng.

Câu hỏi 18: Hợp tác xã C được ngân hàng phê duyệt cho vay vốn theo Nghị quyết 03 số tiền 02 tỷ đồng, trong đó 0,5 tỷ đồng sử dụng để chăn nuôi trâu và 1,5 tỷ đồng để chăn nuôi vịt với thời hạn vay vốn là 48 tháng; thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay của Hợp tác xã C là bao nhiêu tháng?

Đáp:

Điểm 5⁷ Mục I của HDLN số 1724 quy định về xác định thời hạn hỗ trợ lãi suất tiền vay khi doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân vay vốn để đầu tư nhiều loại cây trồng, vật nuôi có thời gian hỗ trợ lãi suất khác nhau. Theo đó, thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay được xác định như sau:

- **Trường hợp 01:** số tiền vay được đầu tư cho sản xuất từng loại cây trồng, vật nuôi cụ thể là khác nhau và xác định được số tiền vay lớn nhất cho loại cây trồng, vật nuôi cụ thể; Khi đó, thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay cho toàn bộ khoản vay là thời gian hỗ trợ lãi suất tính theo loại cây trồng, vật nuôi có mức tiền vay là lớn nhất.

- **Trường hợp 02:** số tiền vay được đầu tư cho từng loại cây trồng, vật nuôi cụ thể là như nhau; Khi đó, thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay cho toàn bộ khoản vay là thời gian hỗ trợ lãi suất tính theo loại cây trồng, vật nuôi có thời gian được hưởng hỗ trợ lãi suất tối đa là dài nhất.

Giải quyết tình huống cụ thể:

- Hợp tác xã C vay 02 tỷ đồng để thực hiện 02 phương án kinh doanh khác nhau, số tiền vay cho mỗi phương án là khác nhau (0,5 tỷ đồng và 1,5 tỷ đồng) và xác định được loại cây trồng, vật nuôi có số tiền vay lớn nhất (chăn nuôi vịt với số tiền vay 1,5 tỷ đồng) thuộc trường hợp 01 nêu trên. Theo đó, thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa được xác định theo cây trồng, vật nuôi có số tiền vay là lớn nhất, ở đây là chăn nuôi vịt (gia cầm) với thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay tối đa là 18 tháng.

Theo quy định tại Điều 5¹ Nghị quyết số 03, thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn, nhưng tối đa không qua thời gian được quy định tại điều này. Trong tình huống này, thời gian vay vốn là 48 tháng.

Do đó, Hợp tác xã C vay 02 tỷ đồng theo Nghị quyết 03 trong thời gian 48 tháng sẽ được hỗ trợ lãi suất tiền vay 02 tỷ đồng trong thời hạn 18 tháng.

Câu hỏi 19: Hộ gia đình ông D đang đầu tư trồng 20 héc ta rừng keo; đến năm 2022, có 12 héc ta rừng đủ 07 tuổi và 08 héc ta rừng 06 tuổi, Hộ gia đình ông D đã đề nghị và được vay vốn theo Nghị quyết 03 cho 12 héc ta rừng đủ 07 tuổi. Vậy, năm 2023, Hộ gia đình ông D có được đề nghị vay vốn theo Nghị quyết 03 cho 08 héc ta rừng còn lại không?

Đáp:

Theo quy định tại Điều 5¹ Nghị quyết số 03, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình được **hỗ trợ lãi suất tiền vay 01 lần/đơn vị diện tích rừng.**

Do đó:

- Năm 2022, Hộ gia đình ông D đã được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay cho 12 héc ta rừng trồng cây keo đủ 07 tuổi theo chính sách hỗ trợ lãi suất chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn quy định tại Nghị quyết số 03.

- Năm 2023, 08 héc ta rừng trồng cây keo còn lại của Hộ gia đình ông D đủ 07 tuổi, Hộ gia đình ông D **tiếp tục được đề nghị và được xem xét cho vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay cho 08 héc ta rừng này** theo chính sách hỗ trợ lãi suất chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn quy định tại Nghị quyết số 03.

Câu hỏi 20: Tôi không phải là hộ nghèo, hộ cận nghèo thì có được vay vốn theo Nghị quyết 03 tại Ngân hàng Chính sách xã hội?

Đáp:

Theo quy định tại khoản 5², Điều 3 Nghị quyết 03, cá nhân, hộ gia đình được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết 03 ở **toàn bộ các ngân hàng** có chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang đang triển khai nhiều chương trình tín dụng như: cho vay đối với hộ nghèo; cho vay đối với hộ cận nghèo; cho vay đối với hộ mới thoát nghèo; cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn; cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn; cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,....

Do đó, khách hàng không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được vay vốn theo Nghị quyết 03 tại Ngân hàng Chính sách xã hội khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt được hỗ trợ lãi suất tiền vay và đáp ứng đủ các điều kiện vay vốn theo từng chương trình tín dụng cụ thể (*hộ mới thoát nghèo, hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi,...*) đang thực hiện tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Câu hỏi 21: Tôi là hộ nghèo, hộ Cận nghèo thì có được vay vốn theo Nghị quyết 03 tại các Ngân hàng thương mại?

Đáp:

Theo quy định tại khoản 5², Điều 3 Nghị quyết 03, cá nhân, hộ gia đình được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết 03 ở **toàn bộ các ngân hàng** có chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn tỉnh.

Do đó, khách hàng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được vay vốn theo Nghị quyết 03 tại Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt được hỗ trợ lãi suất tiền vay và đáp ứng đủ các điều kiện vay vốn tại Ngân hàng đề nghị vay vốn.

Câu hỏi 22: Năm 2020, Hợp tác xã X được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang (Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND) với thời gian là 36 tháng. Vậy, đến năm 2023, sau khi Hợp tác xã X trả hết nợ vay theo Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND thì có được vay vốn theo Nghị quyết 03 không?

Đáp:

Theo quy định tại điểm 8⁸ Mục I HDLN số 1724 và Điều 16⁹ Nghị quyết số 03, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình đã hoặc đang được hưởng các chính sách hỗ trợ theo: (i) các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân

tỉnh: Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014; Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017; Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016; Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 và (ii) các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012; Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 21/5/2014 và (iii) Quyết định số 303/QĐ-CT ngày 24/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Sau khi hưởng xong các chính sách đó, tiếp tục được hưởng chính sách vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết 03 nếu đáp ứng đủ điều kiện cụ thể quy định tại Điều 5¹ Nghị quyết 03.

Do đó, sau khi Hợp tác xã X hết thời gian hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND sẽ tiếp tục được vay vốn theo Nghị quyết 03 khi đáp ứng các điều kiện cụ thể quy định tại Điều 5¹ Nghị quyết 03.

Câu hỏi 23: Tôi vay vốn theo Nghị quyết 03 để chăn nuôi lợn.

a) Do dịch bệnh bùng phát, tôi bán lợn và chuyển sang nuôi trâu thì có tiếp tục được hỗ trợ lãi suất tiền vay không?

b) Sau 6 tháng, tình hình dịch bệnh đối với lợn được kiểm soát, tôi bán trâu và quay lại chăn nuôi lợn thì có được hưởng tiền hỗ trợ lãi suất tiền vay tiếp không?

Đáp:

Theo điểm 10¹⁰ Mục I HDLN số 1724, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình sẽ không tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay từ thời điểm khách hàng sử dụng vốn vay không đúng với mục đích đề nghị vay vốn.

Về tình huống nêu trên:

a) Kể từ thời điểm khách hàng bán lợn để chuyển sang chăn nuôi trâu sẽ không được hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết số 03.

b) Sau 6 tháng, khách hàng bán trâu và quay lại chăn nuôi lợn thì không tiếp tục được hưởng tiền hỗ trợ lãi suất tiền vay vì khách hàng đã sử dụng vốn sai mục đích trong thời gian trước.

Câu hỏi 24: Tôi được Ngân hàng cho vay vốn theo Nghị quyết 03 với số tiền 03 tỷ đồng trong thời hạn 36 tháng, tôi thỏa thuận với ngân hàng trả lãi hàng tháng, trả gốc theo định kỳ 12 tháng/lần tính từ ngày nhận khoản vay đầu tiên, mỗi lần trả 01 tỷ đồng.

a) Tuy nhiên, do tình hình kinh doanh gặp khó khăn, tôi không thực hiện trả nợ gốc phân kỳ đúng thời hạn và bị ngân hàng chuyển nợ quá hạn số tiền gốc trộm trả. Vậy, tôi có được hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay khi khoản nợ bị chuyển nợ quá hạn không?

b) Sau 03 tháng, tôi bố trí được nguồn tiền để trả 01 tỷ đồng nợ quá hạn theo phân kỳ nêu trên, số tiền gốc còn lại là 02 tỷ đồng chưa đến hạn trả nợ được Ngân hàng chuyển về nợ trong hạn. Khi đó, tôi có được tiếp tục hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay cho không?

Đáp:

Theo điểm 10¹⁰ Mục I HDLN số 1724, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình sẽ không được hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay trong thời gian có nợ quá hạn phát sinh từ khoản vay.

Về tình huống nêu trên:

a) Khách hàng sẽ không được hỗ trợ lãi suất tiền vay đối với toàn bộ số tiền vay là 03 tỷ đồng trong thời gian khách hàng không thực hiện trả nợ đến hạn theo phân kỳ và bị ngân hàng chuyển nợ quá hạn.

b) Khi khách hàng đã trả 01 tỷ đồng nợ đến hạn theo phân kỳ, số tiền gốc còn lại là 02 tỷ đồng chưa đến hạn trả nợ được Ngân hàng chuyển về nợ trong hạn thì khách hàng tiếp tục được hỗ trợ lãi suất tiền vay.

Câu hỏi 25: Tôi được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hỗ trợ lãi suất tiền vay cho số tiền vay tối đa là 03 tỷ đồng, trong thời hạn tối đa là 36 tháng.

a) Tôi có được thỏa thuận với Ngân hàng vay số tiền lớn hơn 03 tỷ đồng, thời hạn vay vốn dài hơn 36 tháng không?

b) Nếu được thực hiện nội dung trên thì việc hỗ trợ lãi suất tiền vay được thực hiện như thế nào?

Đáp:

a) Điều 5¹ Nghị quyết số 03 chỉ quy định về số tiền vay tối đa và thời hạn tối đa mà doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình được hỗ trợ lãi suất tiền vay.

Toàn bộ Nghị quyết 03 và HDLN số 1724 không quy định về số tiền vay và thời hạn vay vốn mà doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình vay tại Ngân hàng. Việc quyết định số tiền vay, thời gian vay do Ngân hàng và Khách hàng thỏa thuận theo các quy định của pháp luật và của từng Ngân hàng.

Do đó, khi doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hỗ trợ lãi suất tiền vay cho số tiền vay tối đa là 03 tỷ đồng, trong thời hạn tối đa là 36 tháng. Doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình được đề nghị ngân hàng xem xét, phê duyệt cho vay số tiền nhiều hơn 03 tỷ đồng với thời hạn vay vốn lâu hơn 36 tháng.

Mức tiền vay và thời hạn vay cụ thể do Ngân hàng và khách hàng thỏa thuận.

b) Theo quy định tại Điều 5¹ Nghị quyết số 03, số tiền vay và thời gian được

hỗ trợ lãi suất tiền vay căn cứ vào dư nợ thực tế, số tiền vay tối đa được hỗ trợ lãi suất, thời gian vay thực tế và thời gian tối đa được hỗ trợ lãi suất tiền vay. Cụ thể như sau:

- Về dư nợ được hỗ trợ lãi suất tiền vay:

(i) Dư nợ tiền vay thực tế của khoản vay được hỗ trợ lãi suất tiền vay **thấp hơn** số tiền vay tối đa được hỗ trợ lãi suất, thì số tiền vay được hỗ trợ lãi suất là **dư nợ vay thực tế** của khoản vay được hỗ trợ lãi suất tiền vay;

(ii) Dư nợ tiền vay thực tế của khoản vay được hỗ trợ lãi suất tiền vay **cao hơn** số tiền vay tối đa được hỗ trợ lãi suất, thì số tiền vay được hỗ trợ lãi suất là **số tiền vay tối đa được hỗ trợ lãi suất** đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt cho khách hàng.

- Về thời gian được hỗ trợ lãi suất tiền vay:

(i) Thời gian vay vốn thực tế của khoản vay được hỗ trợ lãi suất tiền vay **ngắn hơn** thời gian tối đa được hỗ trợ lãi suất, thời gian được hỗ trợ lãi suất là **thời gian vay thực tế** của khoản vay được hỗ trợ lãi suất tiền vay;

(ii) Thời gian vay vốn thực tế của khoản vay được hỗ trợ lãi suất tiền vay **dài hơn** thời gian tối đa được hỗ trợ lãi suất, thời gian được hỗ trợ lãi suất là **thời gian tối đa được hỗ trợ lãi suất** đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt cho khách hàng.

Đối với tình huống cụ thể nêu trên, khi khách hàng và ngân hàng đồng ý cho vay vốn với số tiền lớn hơn 03 tỷ đồng và thời gian vay vốn dài hơn 36 tháng thì: **số tiền vay được hỗ trợ lãi suất là 03 tỷ đồng, thời gian được hỗ trợ lãi suất là 36 tháng.**

Câu hỏi 26: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Chủ trang trại, Cá nhân, Hộ gia đình đang có dư nợ tiền vay tại các Ngân hàng thương mại, có được tiếp tục đề nghị vay vốn theo Nghị quyết số 03 không?

Đáp:

Điều 5¹ Nghị quyết số 03 chỉ quy định về số tiền vay tối đa và thời hạn tối đa mà doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình được hỗ trợ lãi suất tiền vay.

Toàn bộ Nghị quyết 03 và HDLN số 1724 không quy định về việc vay vốn **ngân hàng** của doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình vay tại Ngân hàng. Việc quyết định cấp tín dụng ngân hàng do Ngân hàng và Khách hàng thỏa thuận theo các quy định của pháp luật và của từng Ngân hàng.

Do đó, khi Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Chủ trang trại, Cá nhân, Hộ gia đình đang có dư nợ tiền vay tại các Ngân hàng thương mại **vẫn được đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt về hỗ trợ lãi suất tiền vay** khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 5¹ và Điều 16⁹ Nghị quyết số 03; **tiếp tục được**

Ngân hàng xem xét cho vay theo Nghị quyết số 03 khi đáp ứng đủ các điều kiện về cấp tín dụng theo quy định của pháp luật và của từng Ngân hàng.

Ví dụ: Hợp tác xã E đang dư nợ Ngân hàng 04 tỷ đồng và có nhu cầu vay 02 tỷ đồng theo Nghị quyết số 03.

Hợp tác xã E sẽ được Ngân hàng cho vay thêm 02 tỷ đồng theo Nghị quyết số 03 khi Hợp tác xã E **đáp ứng đầy đủ** các điều kiện về cấp tín dụng theo quy định của pháp luật và của từng ngân hàng, điều kiện về hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết 03; sau khi được vay thêm 02 tỷ đồng theo Nghị quyết số 03, tổng dư nợ vay của Hợp tác xã E là 06 tỷ đồng, dư nợ vay được hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết 03 là 02 tỷ đồng.

Câu hỏi 27: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Chủ trang trại, Cá nhân, Hộ gia đình đang có dư nợ tiền vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội, có được tiếp tục đề nghị vay vốn theo Nghị quyết số 03 tại Ngân hàng Chính sách xã hội không?

Đáp:

Điều 5¹ Nghị quyết số 03 chỉ quy định về số tiền vay tối đa và thời hạn tối đa mà doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình được hỗ trợ lãi suất tiền vay.

Toàn bộ Nghị quyết 03 và HDLN số 1724 **không quy định về việc vay vốn ngân hàng** của doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình vay tại Ngân hàng. Việc quyết định cấp tín dụng ngân hàng do Ngân hàng và Khách hàng thỏa thuận theo các quy định về tín dụng chính sách đang áp dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Do đó, khi Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Chủ trang trại, Cá nhân, Hộ gia đình đang có dư nợ tiền vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội **vẫn được đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt về hỗ trợ lãi suất tiền vay** khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 5¹ và Điều 16⁹ Nghị quyết số 03; tiếp tục được Ngân hàng Chính sách xã hội **xem xét cho vay** theo Nghị quyết số 03 khi đáp ứng đủ các điều kiện về các chương trình tín dụng chính sách đang áp dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội (quy định về đối tượng thụ hưởng, về điều kiện cho vay, về mức cho vay tối đa, về thời gian cho vay,...).

Ví dụ: Hộ gia đình ông T đang dư nợ chương trình Hộ nghèo tại Ngân hàng Chính sách xã hội với số tiền đang dư nợ là 60 triệu đồng và có nhu cầu vay thêm vốn theo Nghị quyết số 03.

Khi đó, sau khi hộ gia đình ông T được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đủ điều kiện được hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Nghị quyết số 03 thì tiếp tục được Ngân hàng Chính sách xã hội **xem xét cho vay thêm số tiền tối đa là 40 triệu đồng** (do hộ ông T đang dư nợ 60 triệu đồng chương trình hộ nghèo, mức cho vay tối đa đối với hộ nghèo tại Ngân hàng chính sách xã hội hiện nay là 100

triệu đồng); việc cho vay trong trường hợp này thực hiện theo quy trình cho vay đối với hộ nghèo tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TỈNH TUYẾN QUANG

¹ Điều 5. Chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng: **1. Hỗ trợ hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản:** a) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay cho các hợp tác xã vay vốn để tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hoá, sản phẩm OCOP. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo thực tế nhưng tối đa không quá 5,0 tỷ đồng/hợp tác xã. Thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng tối đa không quá 18 tháng đối với hợp tác xã vay đầu tư sản xuất thuộc nhóm cây trồng hằng năm, chăn nuôi lợn, gia cầm; không quá 36 tháng đối với hợp tác xã vay đầu tư sản xuất thuộc nhóm cây trồng lâu năm, cây lâm nghiệp, chăn nuôi trâu, bò, thủy sản và phát triển sản phẩm OCOP đã có quyết định công nhận phân hạng đạt từ 3 sao trở lên. b) Điều kiện hỗ trợ: Các hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; có phương án hoặc dự án sản xuất kinh doanh khả thi. **2. Hỗ trợ chủ trang trại:** a) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay cho chủ trang trại vay vốn để sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản. Mỗi chủ trang trại được hỗ trợ lãi suất 01 lần vay. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 1,0 tỷ đồng/trang trại. Thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng tối đa không quá 18 tháng đối với trang trại vay đầu tư sản xuất thuộc nhóm cây trồng hằng năm, chăn nuôi lợn, gia cầm; không quá 36 tháng đối với trang trại vay đầu tư sản xuất thuộc nhóm cây trồng lâu năm, cây lâm nghiệp, chăn nuôi trâu, bò, thủy sản. b) Điều kiện hỗ trợ: Cá nhân, chủ hộ gia đình, chủ trang trại có hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp đáp ứng các tiêu chí kinh tế trang trại theo quy định hiện hành. **3. Hỗ trợ nuôi cá đặc sản, cá chủ lực:** a) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay cho các tổ chức, cá nhân vay vốn nuôi cá đặc sản, cá chủ lực. Mỗi tổ chức, cá nhân được hỗ trợ lãi suất 01 lần vay. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 1,0 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân; thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng tối đa không quá 36 tháng. b) Điều kiện hỗ trợ: Đối với cá đặc sản, tổng thể tích lồng, bể nuôi từ 100 m³ trở lên hoặc tổng diện tích ao, hồ nuôi từ 1,0 ha trở lên; đối với cá chủ lực, tổng thể tích lồng nuôi từ 500 m³ trở lên hoặc tổng diện tích ao, hồ nuôi từ 2,0 ha trở lên. **4. Hỗ trợ chăn nuôi trâu, bò sinh sản:** a) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay đối với cá nhân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; 50% lãi suất tiền vay đối với cá nhân thuộc hộ khác (trừ trang trại) vay vốn mua trâu, bò nuôi sinh sản. Mỗi cá nhân được hỗ trợ lãi suất 01 lần vay. Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 35,0 triệu đồng/con trâu cái sinh sản; 25,0 triệu đồng/con bò cái sinh sản. Tổng mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 100,0 triệu đồng/cá nhân; thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng tối đa không quá 36 tháng. b) Điều kiện hỗ trợ: Đối với cá nhân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo quy mô tối thiểu từ 02 con trâu, bò trở lên; đối với cá nhân thuộc hộ khác quy mô tối thiểu từ 03 con trâu, bò trở lên. **5. Hỗ trợ chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn:** a) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay cho các tổ chức, cá nhân vay vốn để chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn (kéo dài tuổi rừng lên trên 10 năm). Mỗi diện tích rừng thực hiện chuyển hoá, tổ chức, cá nhân được hỗ trợ lãi suất tiền vay 01 lần/đơn vị diện tích đó. Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 70,0 triệu đồng/ha; thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng tối đa không quá 36 tháng. b) Điều kiện hỗ trợ: Rừng trồng sản xuất bằng cây keo đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định, tuổi rừng từ đủ 7 tuổi trở lên; quy mô diện tích tập trung từ 10,0ha trở lên đối với tổ chức và từ 1,0ha trở lên đối với cá nhân; có cam kết thực hiện chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn theo quy trình kỹ thuật quy định hiện hành.

² Nội dung chính sách quy định tại Điều 5 Nghị quyết này chỉ áp dụng hỗ trợ đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn tại các ngân hàng đang hoạt động trên địa bàn tỉnh

³ Trình tự, thủ tục phê duyệt tổ chức, cá nhân đủ điều kiện vay vốn có hỗ trợ lãi suất

Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi 01 bản đăng ký vay vốn có hỗ trợ lãi suất (theo mẫu số 01); đối với nội dung hỗ trợ hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản có thêm phương án hoặc dự án sản xuất kinh doanh (theo mẫu số 02) và đối với nội dung hỗ trợ chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn có thêm biên bản kiểm tra hiện trạng lô rừng đề nghị hỗ trợ (theo mẫu số 03) đến Ủy ban nhân dân cấp huyện tại bộ phận Một cửa (nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính). Đối với nội dung chính sách này, UBND cấp huyện thường xuyên tiếp nhận và giải quyết bản đăng ký của các tổ chức, cá nhân.

Bước 2: Định kỳ trước ngày 25 hàng tháng, UBND cấp huyện tổ chức thẩm định về đối tượng, hồ sơ, nhu cầu vay vốn có hỗ trợ lãi suất, phê duyệt danh sách đủ điều kiện vay vốn có hỗ trợ lãi suất; thực hiện thông báo cho các tổ chức, cá nhân và gửi UBND cấp xã để niêm yết công khai tại trụ sở, đồng thời gửi cho ngân hàng nơi tổ chức, cá nhân đăng ký vay vốn. Danh sách tổ chức, cá nhân đủ điều kiện vay vốn có hỗ trợ lãi suất được UBND cấp huyện phê duyệt căn cứ các thông tin sau: Tên tổ chức, cá nhân, số chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân (đối với cá nhân) hoặc mã số tổ chức (đối với tổ chức), địa chỉ thực hiện dự án, số điện thoại liên hệ, số tiền đề nghị vay, mục đích sử dụng vốn vay, thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay tối đa, mức hỗ trợ lãi suất, tên ngân hàng đề nghị vay.

⁴ Đối với nội dung chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng

a) Trình tự, thủ tục phê duyệt tổ chức, cá nhân đủ điều kiện vay vốn có hỗ trợ lãi suất

Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi 01 bản đăng ký vay vốn có hỗ trợ lãi suất (theo mẫu số 01); đối với nội dung hỗ trợ hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản có thêm phương án hoặc dự án sản xuất kinh doanh (theo mẫu số 02) và

đối với nội dung hỗ trợ chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn có thêm biên bản kiểm tra hiện trạng lô rừng đề nghị hỗ trợ (theo mẫu số 03) đến Ủy ban nhân dân cấp huyện tại bộ phận Một cửa (nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính). Đối với nội dung chính sách này, UBND cấp huyện thường xuyên tiếp nhận và giải quyết bản đăng ký của các tổ chức, cá nhân.

Bước 2: Định kỳ trước ngày 25 hàng tháng, UBND cấp huyện tổ chức thẩm định về đối tượng, hồ sơ, nhu cầu vay vốn có hỗ trợ lãi suất, phê duyệt danh sách đủ điều kiện vay vốn có hỗ trợ lãi suất; thực hiện thông báo cho các tổ chức, cá nhân và gửi UBND cấp xã để niêm yết công khai tại trụ sở, đồng thời gửi cho ngân hàng nơi tổ chức, cá nhân đăng ký vay vốn. Danh sách tổ chức, cá nhân đủ điều kiện vay vốn có hỗ trợ lãi suất được UBND cấp huyện phê duyệt căn cứ các thông tin sau: Tên tổ chức, cá nhân, số chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân (đối với cá nhân) hoặc mã số tổ chức (đối với tổ chức), địa chỉ thực hiện dự án, số điện thoại liên hệ, số tiền đề nghị vay, mục đích sử dụng vốn vay, thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay tối đa, mức hỗ trợ lãi suất, tên ngân hàng đề nghị vay.

b) Cấp mã ngân sách cho ngân hàng để tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền tạm ứng hỗ trợ lãi suất

Ngân hàng nơi cho vay (chưa được cấp mã ngân sách để tiếp nhận, thanh quyết toán với cấp ngân sách) nộp 01 bộ hồ sơ đến Sở Tài chính đề nghị cấp mã ngân sách. Việc cấp mã ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành.

c) Hồ sơ, trình tự thực hiện hỗ trợ lãi suất tiền vay cho tổ chức, cá nhân

Bước 1: Ngân hàng hướng dẫn tổ chức, cá nhân (theo danh sách phê duyệt tổ chức, cá nhân đủ điều kiện vay vốn có hỗ trợ lãi suất của UBND cấp huyện) lập hồ sơ đề nghị vay vốn, thẩm định, quyết định cho vay, thu hồi nợ gốc, nợ lãi theo quy định của pháp luật và của ngân hàng. Trường hợp không cho vay, ngân hàng trả lời khách hàng theo quy định. Định kỳ trước ngày 15 tháng đầu quý, ngân hàng báo cáo UBND cấp huyện, Ngân hàng Nhà nước tỉnh danh sách khách hàng ngân hàng đã từ chối cho vay trong quý trước (theo mẫu số 14).

Bước 2: Định kỳ trước ngày 25 của tháng cuối quý trước, ngân hàng lập, gửi UBND cấp huyện văn bản đề nghị ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất kèm Bảng kê chi tiết danh sách từng khách hàng (theo mẫu số 15).

Bước 3: Định kỳ trước ngày 30 của tháng cuối quý trước, UBND cấp huyện thực hiện kiểm tra sử dụng vốn vay, xác định lại số liệu và mức kinh phí cần ứng để quyết định phê duyệt; trước ngày mùng 03 tháng đầu quý, UBND cấp huyện thực hiện chuyển tiền ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất trong quý cho ngân hàng (gửi kèm danh sách chi tiết khách hàng được hỗ trợ lãi suất).

Bước 4: Đến kỳ thu lãi, ngân hàng thực hiện hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân phần lãi được hỗ trợ từ kinh phí hỗ trợ lãi suất đã được chuyển đến ngân hàng, thu trực tiếp từ tổ chức, cá nhân phần lãi chênh lệch không được hỗ trợ (nếu có). Trường hợp đến kỳ thu lãi, UBND cấp huyện chưa chuyển kinh phí tạm ứng hỗ trợ lãi suất cho ngân hàng hoặc các khoản vay phát sinh sau ngày ngân hàng lập danh sách đề nghị tạm ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất, ngân hàng thực hiện thu trực tiếp từ khách hàng đầy đủ lãi phát sinh theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký; khi được ngân sách ứng kinh phí thì ngân hàng thực hiện chi trả tiền lãi được hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt cho khách hàng hoặc chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi của khách hàng mở tại ngân hàng. Các ngân hàng vận động và thỏa thuận với khách hàng mở tài khoản tiền gửi thanh toán để việc thực hiện thanh toán chi trả tiền hỗ trợ lãi suất được kịp thời và thuận lợi hơn.

d) Hồ sơ, trình tự ngân hàng thực hiện thanh toán tạm ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất với UBND cấp huyện

Bước 1: Trước ngày 15 của tháng đầu quý sau, ngân hàng lập báo cáo đề nghị thanh toán tạm ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất tiền vay trong quý kèm hồ sơ đề nghị thanh toán kinh phí (theo mẫu số 16) gửi UBND cấp huyện.

Bước 2: Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày ngân hàng gửi báo cáo đề nghị thanh toán tạm ứng kinh phí hỗ trợ, UBND cấp huyện thực hiện thẩm định việc thanh toán tạm ứng kinh phí hỗ trợ trực tiếp tại trụ sở ngân hàng.

Ngân hàng chuẩn bị hồ sơ, chứng từ để cung cấp cho UBND cấp huyện thẩm định (nếu được UBND huyện yêu cầu) gồm: (1) Bản sao hợp đồng hoặc khế ước vay vốn giữa ngân hàng và các đối tượng được hưởng chính sách hoặc khế ước nhận nợ hoặc chứng từ khác xác định được mối quan hệ tín dụng giữa ngân hàng và khách hàng (đối với các tổ chức, cá nhân phát sinh lần đầu); (2) Bảng sao kê tài khoản theo dõi kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và (3) Chứng từ hạch toán, thanh toán kinh phí hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân.

Căn cứ kết quả thẩm định, UBND cấp huyện thanh toán tạm ứng kinh phí hỗ trợ lãi suất cho ngân hàng theo quy định.

⁵ Cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi

⁶ Điều 27. Phương thức cho vay

Tổ chức tín dụng thỏa thuận với khách hàng việc áp dụng các phương thức cho vay như sau: 1. **Cho vay từng lần:** Mỗi lần cho vay, tổ chức tín dụng và khách hàng thực hiện thủ tục cho vay và ký kết thỏa thuận cho vay. 2. **Cho vay hợp vốn:** Là việc có từ hai tổ chức tín dụng trở lên cùng thực hiện cho vay đối với khách hàng để thực hiện một phương án, dự án vay vốn. 3. **Cho vay lưu vụ:** Là việc tổ chức tín dụng thực hiện cho vay đối với khách hàng để nuôi trồng, chăm sóc các cây trồng, vật nuôi có tính chất mùa vụ theo chu kỳ sản xuất liên kế trong năm hoặc các cây lưu gốc, cây công nghiệp có thu hoạch hàng năm. Theo đó, tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận dự nợ gốc của chu kỳ trước tiếp tục được sử dụng cho chu kỳ sản xuất tiếp theo nhưng không vượt quá thời gian của

02 chu kỳ sản xuất liên tiếp. **4. Cho vay theo hạn mức:** Tổ chức tín dụng xác định và thỏa thuận với khách hàng một mức dư nợ cho vay tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Trong hạn mức cho vay, tổ chức tín dụng thực hiện cho vay từng lần. Một năm ít nhất một lần, tổ chức tín dụng xem xét xác định lại mức dư nợ cho vay tối đa và thời gian duy trì mức dư nợ này. **5. Cho vay theo hạn mức cho vay dự phòng:** Tổ chức tín dụng cam kết đảm bảo sẵn sàng cho khách hàng vay vốn trong phạm vi mức cho vay dự phòng đã thỏa thuận. Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận thời hạn hiệu lực của hạn mức cho vay dự phòng nhưng không vượt quá 01 (một) năm. **6. Cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán:** Tổ chức tín dụng chấp thuận cho khách hàng chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của khách hàng một mức thấu chi tối đa để thực hiện dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán. Mức thấu chi tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian tối đa 01 (một) năm. **7. Cho vay quay vòng:** Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận áp dụng cho vay đối với nhu cầu vốn có chu kỳ hoạt động kinh doanh không quá 01 (một) tháng, khách hàng được sử dụng dư nợ gốc của chu kỳ hoạt động kinh doanh trước cho chu kỳ kinh doanh tiếp theo nhưng thời hạn cho vay không vượt quá 03 (ba) tháng. **8. Cho vay tuần hoàn (rollover):** Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận áp dụng cho vay ngắn hạn đối với khách hàng với điều kiện: a) Đến thời hạn trả nợ, khách hàng có quyền trả nợ hoặc kéo dài thời hạn trả nợ thêm một khoảng thời gian nhất định đối với một phần hoặc toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay; b) Tổng thời hạn vay vốn không vượt quá 12 tháng kể từ ngày giải ngân ban đầu và không vượt quá một chu kỳ hoạt động kinh doanh; c) Tại thời điểm xem xét cho vay, khách hàng không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng; d) Trong quá trình cho vay tuần hoàn, nếu khách hàng có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng thì không được thực hiện kéo dài thời hạn trả nợ theo thỏa thuận. **9. Các phương thức cho vay khác** được kết hợp các phương thức cho vay quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và khoản 8 Điều này, phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng và đặc điểm của khoản vay.

⁷ Trường hợp tổ chức, cá nhân vay đầu tư sản xuất kinh doanh nhiều đối tượng cây trồng, vật nuôi khác nhau thì việc xác định thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất tối đa theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND sẽ căn cứ vào loại cây trồng, vật nuôi có quy mô kinh phí sản xuất được vay vốn có hỗ trợ lãi suất lớn nhất. Trường hợp, có nhiều loại cây trồng, vật nuôi có quy mô kinh phí sản xuất như nhau thì xác định theo cây trồng, vật nuôi có thời gian được hưởng hỗ trợ lãi suất tối đa là dài nhất.

⁸ Các tổ chức, cá nhân đã được hưởng chính sách theo các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 16 Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND. Sau khi hưởng xong các chính sách đó, nếu đủ điều kiện được quy định trong Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND thì tiếp tục được hưởng các chính sách theo quy định của Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND

⁹ Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành: **1. Nghị quyết này thay thế các văn bản:** a) Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. b) Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. c) Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021. d) Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi và Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021. đ) Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. e) Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. **2. Nghị quyết này bãi bỏ các văn bản:** a) Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định cho hội viên nông dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang vay vốn được hỗ trợ kinh phí và lãi suất tiền vay để phát triển chăn nuôi (trâu, bò, lợn) có kết hợp xây dựng hầm Biogas bằng vật liệu nhựa composite. b) Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 21/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung quy định cho hội viên nông dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang vay vốn được hỗ trợ kinh phí và lãi suất tiền vay để phát triển chăn nuôi (trâu, bò, lợn) có kết hợp xây dựng hầm Biogas bằng vật liệu nhựa composite ban hành kèm theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh. c) Quyết định số 303/QĐ-CT ngày 24/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành về việc cho hội viên, nông dân thuộc 07 xã điểm xây dựng nông thôn mới của tỉnh được vay vốn và hỗ trợ lãi suất tiền vay để xây dựng công trình nhà tiêu và hệ thống chuồng trại chăn nuôi. **3. Các tổ chức, cá nhân đang thực hiện hoặc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện** các nội dung chính sách quy định trong các Nghị quyết, Quyết định tại khoản 1 Điều này trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng chính sách theo các quy định của chính sách cũ.

¹⁰ Không thực hiện hỗ trợ lãi suất tiền vay khi khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích, trong thời gian có nợ quá hạn phát sinh từ khoản vay